

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÔNG NHẬN, CHO THI HÀNH PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

*Võ Hưng Đạt**

Tóm tắt: Thủ tục công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam đã được ghi nhận khá đầy đủ trong pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, một số quy định vẫn chưa thật sự hợp lý và rõ ràng. Đó là việc xác định như thế nào là phán quyết trọng tài nước ngoài, thời hiệu nộp đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành cũng như khả năng công nhận và cho thi hành đối với phán quyết trọng tài nước ngoài về tranh chấp thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam. Bài viết chỉ ra những điểm chưa phù hợp này đồng thời đưa ra giải pháp để hoàn thiện.

Từ khóa: Công nhận và cho thi hành; phán quyết trọng tài nước ngoài; thời hiệu; thẩm quyền riêng biệt.

Abstract: The procedure for recognizing and enforcing foreign arbitral awards in Vietnam is generally well-established. However, several provisions remain ambiguous or impractical. These include the criteria for identifying a foreign arbitral award, the statute of limitations for submitting recognition and enforcement requests, and whether awards relating to disputes falling within the exclusive jurisdiction of Vietnamese courts can be enforced. This article identifies shortcomings and provides reform proposals.

Keywords: Recognition and enforcement; Foreign arbitral awards; Statute of limitations; exclusive jurisdiction.

Dẫn nhập

Với những ưu điểm như tính linh hoạt, nhanh gọn và bảo mật cao, Trọng tài thương mại đang là một trong những phương thức được các bên tranh chấp ưu tiên lựa chọn, đặc biệt là các tranh chấp phức tạp, có yếu tố nước ngoài. Tuy nhiên, khác với Tòa án, kết quả giải quyết tranh chấp của Trọng tài không phải do cơ quan quyền lực nhà nước ban hành, do đó việc phán quyết Trọng tài có được thi hành hay không luôn được các bên rất quan tâm. Vấn đề sẽ đơn giản hơn nếu phán quyết Trọng tài cần được thi hành tại chính quốc gia của mình. Bởi hiện nay,

hiều quốc gia đều thừa nhận giá trị phán quyết Trọng tài trong nước và xem nó như một bản án của Tòa án quốc gia mình, bao gồm cả Việt Nam¹.

Ngược lại, trong trường hợp các bên lựa chọn Trọng tài nước ngoài, khả năng thi hành của phán quyết Trọng tài sẽ phức tạp hơn vì cần phải trải qua thủ tục công nhận và cho thi hành. Việc công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài là thủ tục cần thiết nhằm khẳng định chủ quyền về

* ThS., Giảng viên Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh.

¹ Chẳng hạn như: Article 66.1 UK Arbitration Act 1996; Section 1060 German Code of Civil Procedure 2005 (amended 2021); Điều 67 Luật Trọng tài thương mại Việt Nam năm 2010; Điểm e khoản 1 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (văn bản hợp nhất 2022).

mặt tài phán của quốc gia. Đồng thời, điều này cũng như thể hiện sự thiện chí, hợp tác giữa các quốc gia liên quan đến giá trị của phán quyết Trọng tài.

Tại Việt Nam, Trọng tài nói chung và việc công nhận phán quyết Trọng tài nói riêng đã được chú ý từ lâu, thể hiện chủ trương hợp tác của Nhà nước ta trong lĩnh vực tư pháp. “*Việc Nhà nước ta công nhận và thi hành quyết định của Trọng tài trong những trường hợp cần thiết chính là Nhà nước thực hiện vai trò trong việc điều tiết nền kinh tế thị trường nhằm phát huy hiệu quả mà Nhà nước mong muốn*”². Việt Nam cũng đã ký kết khá nhiều các Hiệp định Tương trợ tư pháp, trong đó có quy định về công nhận phán quyết Trọng tài nước ngoài³. Đặc biệt, Việt Nam đã gia nhập Công ước New York 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài (Công ước) từ năm 1995, tức đã gần 30 năm là thành viên của Công ước này. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một số vấn đề về công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam cần được làm rõ.

2. Xác định phán quyết Trọng tài nước ngoài

Việc công nhận và cho thi hành chỉ đặt ra đối với phán quyết Trọng tài nước ngoài. Do đó, việc xem xét một phán quyết Trọng tài là trong nước hay nước ngoài sẽ có ý nghĩa rất quan trọng. Pháp luật Việt Nam

trước đây lần hiện nay đều xác định phán quyết Trọng tài nước ngoài dựa vào quốc tịch của Trọng tài tuyên phán quyết mà không phụ thuộc vào nơi tuyên⁴. Theo đó, *phán quyết của Trọng tài nước ngoài* là phán quyết do *Trọng tài nước ngoài* tuyên ở ngoài lãnh thổ Việt Nam hoặc ở trong lãnh thổ Việt Nam để giải quyết tranh chấp do các bên thỏa thuận lựa chọn. Còn Trọng tài được thành lập theo quy định của pháp luật Trọng tài nước ngoài. Như vậy, theo pháp luật Việt Nam, yếu tố lãnh thổ nơi tuyên phán quyết đã không được xem xét đến khi xác định phán quyết đó là trong nước hay nước ngoài.

Trong khi đó, Công ước với 172 thành viên⁵, bao gồm Việt Nam, lại xác định phán quyết Trọng tài nước ngoài dựa vào nơi tuyên phán quyết. Mặc dù không được xây dựng dưới dạng định nghĩa, Điều 1 của Công ước vẫn được Hội đồng Trọng tài thương mại quốc tế (ICCA - International Council for Commercial Arbitration) giải thích là cơ sở cho việc xác định phán quyết Trọng tài có phải là “nước ngoài” hay không⁶. Cụ thể, Công ước nêu ra hai trường hợp mà một phán quyết Trọng tài có thể được xem là phán quyết Trọng tài nước ngoài: (i) Phán quyết được ban hành ngoài lãnh thổ của nước công nhận và cho thi

² Lê Minh Thông, *Vai trò của Nhà nước trong trật tự kinh tế thị trường ở Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 10/1998, tr.11-12.

³ Như Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự với các nước như Lào (khoản 1 Điều 5, Điều 44), Triều Tiên (khoản 4, Điều 3), Trung Quốc (Điều 21), Nga (khoản 3 Điều 52)... Trong đó, một số Hiệp định sẽ dẫn chiếu đến việc áp dụng Công ước New York 1958.

⁴ Điều 1 Pháp lệnh Công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài năm 1995; khoản 2 Điều 342 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004; khoản 10, 11, 12 Điều 3 Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

⁵ New York Convention, <https://www.newyorkconvention.org/contracting-states>, truy cập ngày 10/7/2024.

⁶ International Council for Commercial Arbitration, *ICCA's Guide to The Interpretation of The 1958 New York Convention: A Handbook For Judges*, 2011, p. 21.

hành và (ii) Phán quyết không được xem là phán quyết Trọng tài trong nước⁷. Ở trường hợp thứ nhất, Công ước chỉ căn cứ vào nơi tuyên để xác định phán quyết Trọng tài có phải là nước ngoài hay không. Yếu tố quốc tịch của Trọng tài hoàn toàn không được đề cập đến. Thậm chí, các yếu tố như quốc tịch, nơi cư trú của các bên tranh chấp cũng không được nêu ra⁸. Ở trường hợp thứ hai, có thể hiểu là Công ước cho phép quốc gia tự đưa cách xác định phán quyết Trọng tài là trong nước hay nước ngoài theo chính pháp luật của quốc gia thành viên.

Đối với trường hợp thứ hai, trên thực tế, đa số các quốc gia hiện nay đang xác định phán quyết Trọng tài trong nước hay nước ngoài tương tự như Công ước, tức là dựa vào nơi tuyên phán quyết⁹. Bên cạnh đó, một số quốc gia có thể dựa vào yếu tố nước

ngoài của tranh chấp được giải quyết bởi Trọng tài để xác định phán quyết Trọng tài đó không phải là trong nước (non-domestic). Chẳng hạn như tại Hoa Kỳ, nếu phán quyết liên quan đến vụ việc có tài sản ở nước ngoài, cần được thực hiện ở nước ngoài hoặc có một số mối liên hệ hợp lý khác với một hoặc nhiều quốc gia nước ngoài thì sẽ được xem phán quyết Trọng tài không phải trong nước¹⁰. Ngoài ra, phán quyết Trọng tài nước ngoài có thể xác định dựa vào luật điều chỉnh hoạt động Trọng tài không phải là của quốc gia mình, hoặc Trọng tài hoạt động không dựa trên quy tắc của bất kỳ quốc gia nào. Tuy nhiên, điều này là cực kỳ hiếm gặp¹¹.

Như vậy, có thể thấy cả Công ước và pháp luật của phần lớn các quốc gia hiện nay đều xác định phán quyết Trọng tài là nước ngoài hay trong nước dựa vào nơi phán quyết được ban hành. Trong một số ít trường hợp khác, việc xác định cũng không dựa vào quốc tịch của Trọng tài. Ngược lại, pháp luật Việt Nam lại có sự khác biệt khi không quan tâm đến nơi tuyên mà chỉ căn cứ vào quốc tịch của Trọng tài là Việt Nam hay nước ngoài. Hay nói cách khác, Việt Nam đang sử dụng thuật ngữ “*phán quyết của Trọng tài nước ngoài*” (awards of foreign arbitration) chứ không phải là “*phán quyết Trọng tài nước ngoài*” (foreign arbitral awards) theo quy định của Công ước cũng như các quốc gia khác. Cách quy định của Việt Nam dẫn đến một số bất cập:

Thứ nhất, mặc dù Công ước cho phép quốc gia thành viên quy định phán quyết

⁷ Điều 1.1 Công ước New York 1958.

⁸ Tuy nhiên, cần lưu ý là những yếu tố này có thể liên quan đến việc xác định thỏa thuận Trọng tài có thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước hay không theo Điều 2.

⁹ Chẳng hạn như Đức: Section 1025 German Code of Civil Procedure 2005 (amended 2021), xem thêm K.H. Böckstiegel, S. Kröll and P. Nacimiento, *Germany as a Place for International and Domestic Arbitrations - General Overview*, Transnational Dispute Management (TDM), Vol. 6, issue 1, March 2009, p. 18; Ấn Độ: Section 44 of Arbitration and Conciliation Act 1996, xem thêm Indian Dispute Resolution Centre (IDRC), *What is foreign arbitration award?*, <https://theidrc.com/content/adr-faqs/what-is-foreign-arbitration-award> truy cập ngày 10/7/2024; Thụy Sĩ: Article 335 of the Swiss Civil Procedure Code, xem thêm ICLG, *International Arbitration Laws and Regulations - Switzerland Chapter*, 20th Edition, 2023, page 274; Pháp: French Code of Civil Procedure – Book IV – Title VI: phân chia thủ tục công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài dựa vào nơi tuyên phán quyết; Cộng hòa Czech, xem thêm Alexander J. Belohlavek, *Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards: The Application of the New York Convention by National Courts – Czech Republic*, The Lawyer Quarterly, Vol. 4, Issue 2 2014, p. 94.

¹⁰ Section 202 United States Federal Arbitration Act.

¹¹ International Council for Commercial Arbitration, *ICCA's Guide to The Interpretation of The 1958 New York Convention: A Handbook For Judges*, 2011, pp. 22-23.

Trọng tài nào không được xem là phán quyết Trọng tài trong nước nhưng rõ ràng là việc quy định như hiện nay là khá khác biệt và chưa phù hợp với Công ước¹².

Thứ hai, việc xác định “Trọng tài nước ngoài” theo quy định của pháp luật Việt Nam sẽ có những khó khăn liên quan đến thể thức trọng tài. Khoản 11 Điều 3 Luật Trọng tài thương mại quy định: “*Trọng tài nước ngoài là Trọng tài được thành lập theo quy định của pháp luật Trọng tài nước ngoài...*”. Đối với Trọng tài thường trực, trung tâm Trọng tài thường sẽ được thành lập và tuân thủ pháp luật một quốc gia cụ thể. Tuy nhiên, đối với Trọng tài vụ việc, việc thành lập Trọng tài là do sự thỏa thuận của các bên, Trọng tài cũng tự giải tán sau khi hoàn thành công việc thì sẽ rất khó để xác định quốc tịch của Trọng tài.

Thứ ba, quy định của Việt Nam hiện nay cũng chưa tương thích với Luật mẫu về Trọng tài thương mại quốc tế của UNCITRAL và có thể dẫn đến phán quyết Trọng tài “nước ngoài” theo cách hiểu của Việt Nam sẽ không thuộc thẩm quyền kiểm tra của bất kỳ Tòa án nào. Cụ thể, Luật mẫu UNCITRAL xác định tính quốc tế của Trọng tài dựa vào địa điểm Trọng tài chứ không phải là quốc tịch Trọng tài¹³. Đồng thời, Tòa án có thẩm quyền hủy quyết định Trọng tài là Tòa án của nước nơi có địa điểm Trọng tài¹⁴. Như vậy, phán quyết

Trọng tài được tuyên bởi “Trọng tài nước ngoài” tại Việt Nam thì chúng ta coi đó là phán quyết nước ngoài nên sẽ không giải quyết việc yêu cầu hủy mà chỉ có thể xem xét việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam. Còn đối với các quốc gia khác, họ lại cho rằng đây là phán quyết Trọng tài Việt Nam (vì tuyên trên lãnh thổ Việt Nam) nên cũng không giải quyết việc yêu cầu hủy.

3. Thời hiệu công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài

3.1. Khả năng Tòa án áp dụng thời hiệu trong việc công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài

Theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS 2015) và cả Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS 2015) thì Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên¹⁵. Hay nói cách khác, Tòa án không được tự ý áp dụng thời hiệu để không thụ lý một vụ việc dân sự hoặc hủy bỏ kết quả xét xử trước đó. Đây là một quy định tiến bộ và phù hợp với pháp luật của nhiều quốc gia, giúp loại trừ sự can thiệp của cơ quan tố tụng trong việc vận dụng thời hiệu, bởi khi kết thúc thời hiệu thì hậu quả sẽ phát sinh với các chủ thể chứ không phải với Tòa án¹⁶. Tuy nhiên, Điều 184 BLTTDS 2015 chỉ giới hạn việc áp dụng điều này đối với thời hiệu khởi kiện, “*thời hiệu*” yêu cầu giải quyết “*việc dân sự*”. Từ đó, có một số vấn đề phát sinh.

Thứ nhất, đối với thủ tục công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài, BLTTDS 2015 hiện nay không dùng thuật ngữ “*thời hiệu*” mà dùng “*thời hạn*”

¹² Xem thêm, Đỗ Văn Đại, Trần Hoàng Hải, *Pháp luật Việt Nam về Trọng tài thương mại*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, tr. 415.

¹³ Article 1.2 and 1.3 UNCITRAL Model Law on International Commercial Arbitration 2006.

¹⁴ Article 34 and Explanatory Note by the UNCITRAL secretariat, *UNCITRAL Model Law on International Commercial Arbitration 1985 With amendments as adopted in 2006*, UNCITRAL, 2008, p. 26.

¹⁵ Khoản 2 Điều 184 BLTTDS 2015, khoản 2 Điều 149 BLDS 2015.

¹⁶ Xem thêm, Đỗ Văn Đại, *Bình luật khoa học những điểm mới của BLDS 2015*, Nxb. Hồng Đức, 2016, tr. 194.

để chỉ khoảng thời gian người yêu cầu cần phải nộp đơn¹⁷. Trong khi đó, các thuật ngữ “thời hiệu” lại được dùng đối với thủ tục công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án¹⁸. Vậy, quy định tại Điều 184 BLTTDS 2015 có được áp dụng với “thời hạn” nộp đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài hay không?

Thứ hai, cứ cho rằng thuật ngữ “thời hạn” trong trường hợp này tương đương như “thời hiệu” thì vẫn còn một vấn đề phức tạp hơn. Đó là thủ tục yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài là một việc dân sự thông thường hay là một thủ tục độc lập. Nếu đây được xem là một thủ tục nằm trong việc dân sự thì Tòa án không được tự ý áp dụng thời hiệu để từ chối nhận đơn yêu cầu theo Điều 184 BLTTDS 2015. Ngược lại, nếu đây là thủ tục đặc biệt, độc lập với vụ án, việc dân sự thì Tòa án không bị ràng buộc bởi Điều 184 BLTTDS 2015 và có thể tự động áp dụng thời hiệu để từ chối thụ lý.

Nếu dựa vào cách lập pháp tại Điều 1 BLTTDS 2015 thì có thể hiểu rằng hiện nay có 3 loại thủ tục, bao gồm: Thủ tục giải quyết vụ án dân sự; thủ tục giải quyết việc dân sự; thủ tục yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài, phán quyết Trọng tài nước ngoài. Như vậy, có thể thấy yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài được xem là một thủ tục riêng biệt với thủ tục giải quyết vụ việc dân sự¹⁹. Điều

này còn được thể hiện ở các quy định về đơn yêu cầu, thời hiệu yêu cầu, phiên họp xét đơn, kháng cáo, kháng nghị... trong thủ tục công nhận cũng được quy định riêng biệt, chứ không dẫn đến phần chung về việc dân sự. Hơn nữa, về cấu trúc, thủ tục công nhận và cho thi hành nằm độc lập ở Phần thứ bảy BLTTDS 2015 chứ không nằm trong Phần thứ sáu về thủ tục giải quyết việc dân sự, vốn có các thủ tục cụ thể khác như thủ tục giải quyết các việc dân sự liên quan đến hoạt động Trọng tài thương mại Việt Nam, công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án, bắt giữ tàu biển... Điều này càng được củng cố qua Bản thuyết minh về Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi (2015) của Tòa án nhân dân tối cao. Theo đó, bổ sung nội dung về thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài vào phạm vi điều chỉnh của BLTTDS 2015 tại Điều 1 vì thủ tục này được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 nhưng lại chưa được quy định trong phạm vi điều chỉnh²⁰. Có nghĩa rằng, quan điểm của cơ quan lập pháp là thủ tục công nhận và cho thi hành có sự độc lập với thủ tục giải quyết vụ việc dân sự thông thường nên cần được tách riêng và bổ sung vào Điều 1 BLTTDS 2015.

Nếu theo quan điểm này thì thời hiệu sẽ được Tòa án tự động áp dụng để xem xét việc thụ lý đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài. Điều này cũng phù hợp với Bản thuyết minh về BLTTDS sửa đổi năm 2015 của Tòa án

¹⁷ Điều 451 BLTTDS 2015.

¹⁸ Điều 432, 444, 447 BLTTDS 2015.

¹⁹ Đặng Thanh Hoa, *Áp dụng thời hiệu và thời hạn nộp đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước*

ngoài, phán quyết của Trọng tài nước ngoài, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 3+4 tháng 2/2018, tr. 87.

²⁰ Tòa án nhân dân tối cao, *Báo cáo số 21/BC-TANDTC về Bản thuyết minh về dự án Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi)*, 2015, tr. 2.

nhân dân tối cao khi cho rằng cần quy định thời hạn nộp đơn yêu cầu để tăng trách nhiệm cho chủ thể nộp đơn và hiệu quả giải quyết của Tòa án²¹. Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả, chúng ta không nên trao quyền cho Tòa án được tự động áp dụng thời hiệu để tạo điều kiện tối đa cho việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài, phù hợp với tinh thần của Công ước²².

3.2. Thời điểm bắt đầu tính thời hiệu nộp đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài

Theo Điều 451 BLTTDS 2015 thì thời hạn nộp đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài là 03 năm kể từ ngày phán quyết của Trọng tài nước ngoài có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, để nộp đơn thì người được thi hành phải có quyền được nộp đơn. Cụ thể, người được thi hành chỉ có quyền nộp đơn yêu cầu Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài với điều kiện bên phải thi hành cư trú, làm việc, có trụ sở chính hoặc tài sản liên quan đến thi hành có tại Việt Nam vào thời điểm yêu cầu²³. Điều này có nghĩa, khi phán quyết Trọng tài đã có hiệu lực pháp luật, tức thời hạn nộp đơn bắt đầu được tính, nhưng người phải thi hành không hiện diện tại Việt Nam hoặc tài sản thi hành không có ở Việt Nam thì bên được thi hành cũng không có quyền nộp đơn.

Chẳng hạn, một phán quyết Trọng tài nước ngoài có hiệu lực vào ngày 01/01/2020 thì đây cũng chính là thời điểm bắt đầu tính thời hạn để nộp đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành. Tuy nhiên, nếu

bên phải thi hành không hiện diện và tài sản thi hành chưa có tại Việt Nam thì bên được thi hành dù muốn cũng không có quyền nộp đơn yêu cầu. Giả sử đến tháng 02/2023, người phải thi hành mới đầu tư và chuyển tiền vào Việt Nam. Lúc này người được thi hành mới có quyền được nộp đơn nhưng thời hạn nộp đơn đã hết. Điều này rõ ràng làm cho quyền lợi của người được thi hành không được đảm bảo.

Một giải pháp có được tính đến là chứng minh khoảng thời gian không thể nộp đơn này là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan²⁴. Tuy nhiên, điều này cũng không hợp lý vì một số lý do. *Thứ nhất*, sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thường được hiểu là các vấn đề như thiên tai, dịch họa hoặc các trường hợp mà các bên không thể thực hiện quyền của mình như do tai nạn, ốm nặng đến mức mất khả năng nhận thức, do lỗi của cơ quan xét xử, cơ quan thi hành²⁵... Đây là những lý do không liên quan đến trường hợp này. *Thứ hai*, sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan chỉ áp dụng khi chủ thể đã có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu²⁶. Trong khi đây là trường hợp người nộp đơn chưa có quyền yêu cầu. *Thứ ba*, nếu áp dụng sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan trong trường hợp này thì có thể hiểu chính quy định của BLTTDS 2015 lại là trở ngại cho các bên để thực hiện quyền nộp đơn. Rõ ràng đây là một điều rất không logic và không hợp lý.

²⁴ Khoản 2 Điều 451 BLTTDS 2015.

²⁵ Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi bởi Nghị định số 33/2020/NĐ-CP).

²⁶ Điều 156 BLDS 2015.

²¹ Tòa án nhân dân tối cao, tltđ, tr. 22.

²² Điều 3 Công ước New York 1958.

²³ Khoản 1 Điều 425 BLTTDS 2015.

4. Khả năng công nhận phán quyết Trọng tài nước ngoài giải quyết tranh chấp thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam

Nếu vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền riêng biệt của Việt Nam nhưng được Tòa án nước ngoài giải quyết thì bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài sẽ không được công nhận. Đây là quy định được ghi nhận rất rõ ràng trong BLTTDS 2015²⁷. Tuy nhiên, một vấn đề còn đang tranh cãi hiện nay là Tòa án Việt Nam có thể công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài giải quyết một vụ việc thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam hay không.

Do pháp luật Việt Nam không có sự khẳng định rõ ràng nên dẫn đến những cách hiểu khác nhau. Dựa trên nguyên tắc tôn trọng quyền tài phán và chủ quyền quốc gia, có thể hiểu khi một vụ việc được xác định là thẩm quyền riêng biệt của Việt Nam thì các cơ quan khác, bao gồm cả Trọng tài sẽ “không có thẩm quyền” giải quyết. Do đó, nếu Trọng tài giải quyết vụ việc như vậy, Tòa án Việt Nam sẽ không công nhận phán quyết trọng tài. Ngược lại, dựa vào các quy phạm pháp luật thực định thì có thể suy luận rằng phán quyết trọng tài về vụ việc như vậy vẫn có thể được công nhận. Cụ thể, Luật Trọng tài thương mại năm 2010 yêu cầu Tòa án phải từ chối thụ lý nếu các bên đã có thỏa thuận trọng tài mà không phân biệt vụ việc đó thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam hay không²⁸. Thậm chí, trong trường hợp Hội đồng Trọng tài đang giải quyết vụ tranh chấp thì dù Tòa án nhận thấy tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Trọng tài, không có thỏa thuận

Trọng tài mà người khởi kiện có yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp thì Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện, trường hợp Tòa án đã thụ lý thì ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án, trừ trường hợp Tòa án đã thụ lý vụ tranh chấp trước²⁹. Như vậy, có thể thấy là pháp luật Việt Nam đang ưu tiên thẩm quyền giải quyết cho Trọng tài. Hơn nữa, Điều V Công ước và Điều 459 BLTTDS 2015 cũng không hề liệt kê việc Trọng tài giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền riêng biệt của Việt Nam là căn cứ để không công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài.

Về mặt lý luận, câu trả lời cho tranh cãi trên nằm ở sự cạnh tranh giữa chủ quyền tài phán và nguyên tắc tự do ý chí của các bên, hay cụ thể hơn là tầm quan trọng của việc dành một số vấn đề nhất định cho thẩm quyền riêng biệt của Tòa án và lợi ích trong việc thúc đẩy thương mại thông qua phương thức giải quyết tranh chấp Trọng tài³⁰. Và thực tế thì vẫn còn nhiều tranh cãi về vấn đề này³¹. Theo quan điểm của tác giả, quyền tài phán của quốc gia là vấn đề quan trọng và cần được ưu tiên. Tuy nhiên, vẫn luôn có sự cạnh tranh về quyền tài phán là giữa các quốc gia³². Và điều này đã được BLTTDS

²⁹ Điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP Hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại.

³⁰ Reinmar Wolff, *New York Convention Article-by-Article Commentary - Second Edition*, Bloomsbury Publishing, 2019, p. 402.

³¹ Alan Uzelac, *(In)arbitrability and exclusive jurisdiction - Parallels That Matter*, Kröll/Mistelis/Perales Viscasillas/Rogers (eds), *International Arbitration and International Commercial Law: Synergy, Convergence and Evolution*, Liber Amicorum Eric Bergsten, Kluwer Law International 2011, pp. 462-463.

³² Chẳng hạn như Điều 24.2 Quy định của EU số 1215/2012 về Thẩm quyền, công nhận và thi hành các phán quyết trong các vấn đề dân sự và thương

²⁷ Khoản 4 Điều 439 và Điều 440 BLTTDS 2015.

²⁸ Điều 6 Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

2015 giải quyết rõ ràng khi khẳng định Việt Nam sẽ không công nhận các bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài nếu họ giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền riêng biệt của Việt Nam. Nhưng đối với Trọng tài, đây là cơ chế giải quyết tranh chấp tư, được thực hiện dựa trên sự tự nguyện của các bên, các bên được lựa chọn trọng tài viên, vụ việc được giải quyết một cách bí mật về thông tin... Điều mà giải quyết tại Tòa án không có được. Do đó, chúng ta nên hiểu khi các bên thỏa thuận chọn Trọng tài có nghĩa là họ đang tìm kiếm một phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án, và điều này không phủ định chủ quyền tài phán của Việt Nam.

Về mặt pháp lý, như đã phân tích ở trên, pháp luật Việt Nam không có quy phạm khẳng định sẽ không công nhận phán quyết trọng tài giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền riêng biệt của Việt Nam. Điều 5 Công ước cũng không quy định cụ thể về vấn đề này. Tuy nhiên, cả Công ước và luật Việt Nam đều cho phép quốc gia không công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài nếu vụ tranh chấp đó không được giải quyết theo thủ tục trọng tài hoặc việc công nhận ảnh hưởng đến trật tự công cộng của Việt Nam³³.

mai, thì Tòa án của quốc gia nơi công ty có trụ sở sẽ có thẩm quyền riêng biệt đối với tranh chấp về tính hợp lệ của các quyết định được ban hành bởi các cơ quan trong công ty. Tuy nhiên, Điều 1.2.d của Quy định này lại loại trừ “Trọng tài” khỏi phạm vi áp dụng. Do đó, có thể hiểu quy định tại Điều 24 chỉ nhằm mục đích thiết lập thẩm quyền riêng biệt của Tòa án quốc gia trong mối quan hệ với các Tòa án quốc gia khác trong EU chứ không liên quan đến thẩm quyền của Trọng tài. Xem thêm, Loukas A Mistelis and Stavros L Brekoulakis, *Arbitrability: International and Comparative Perspectives*, Kluwer Law International, 2009, paras 14-17 to 14-29.

³³ Khoản 2 Điều 459 BLTTDS 2015; khoản 2 Điều V Công ước.

Tham khảo pháp luật một số nước, đây chính là cơ sở pháp lý để họ không công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài giải quyết tranh chấp thuộc thẩm quyền riêng biệt của quốc gia. Chẳng hạn như trường hợp Tòa án Bỉ từ chối công nhận phán quyết Trọng tài về tranh chấp hợp đồng phân phối độc quyền giữa *Audi-NSU Union AG v. SA Adelin Petit & Cie*. Lý do được đưa ra là tranh chấp này không thể giải quyết bởi Trọng tài vì thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Bỉ³⁴, do đó, thuộc trường hợp tại Điều V.2.a Công ước. Nhiều nước khác như Hà Lan, Ý, Pháp, Thụy Sĩ, Croatia... cũng đã áp dụng Điều V.2.a này để không công nhận phán quyết trọng tài vì tranh chấp thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án quốc gia³⁵.

Trong một số trường hợp khác, các quốc gia lại cho rằng việc Trọng tài giải quyết tranh chấp thuộc thẩm quyền riêng biệt của quốc gia là vi phạm trật tự công cộng của quốc gia nên từ chối công nhận theo Điều 5.2.b Công ước. Ví dụ trong vụ *AO Slovenska Konsolidachna, A.S. v. KB SR Yakimanka*, Liên bang Nga từ chối công nhận phán quyết trọng tài Slovak vì theo Luật phá sản của Liên bang Nga thì đây là vụ việc thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Nga. Tòa án Liên bang Nga lập luận rằng, việc tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài đã vi phạm trật tự công của Liên bang Nga³⁶. Do đó, Việt Nam hoàn toàn có thể vận dụng tương tự để không công nhận

³⁴ International Council for Commercial Arbitration, tldd, p. 106.

³⁵ Reinmar Wolff, *New York Convention Article-by-Article Commentary - Second Edition*, Bloomsbury Publishing, 2019, p. 398

³⁶ Xem thêm, Federal Arbitrazh (Commercial) Court, Moscow District, 1 November 2004, *Yearbook Commercial Arbitration XXXIII*, 2008, pp. 654-657.

một phán quyết trọng tài nước ngoài giải quyết tranh chấp thuộc thẩm quyền riêng biệt của Việt Nam.

Về mặt thực tiễn, không phải tranh chấp nào cũng có thể được giải quyết bởi trọng tài, vì vậy, chúng ta nên xem xét liệu một tranh chấp thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam có khả năng được Trọng tài giải quyết hay không. Theo khoản 1 Điều 470 BLTTDS 2015 thì có 03 loại tranh chấp thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam.

Thứ nhất, tranh chấp liên quan đến quyền đối với bất động sản. Trước đây các tranh chấp liên quan đến bất động sản thường sẽ không được giải quyết bởi Trọng tài, tuy nhiên, hiện nay quan điểm này đã thay đổi³⁷. Các nước như Nga, Thụy Sĩ³⁸, Ấn Độ³⁹, Hoa Kỳ⁴⁰... vẫn cho phép Trọng tài giải quyết các tranh chấp thương mại liên quan đến bất động sản. Việt Nam cũng theo xu hướng này khi cho phép Trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết tranh chấp thương mại liên quan đến đất đai⁴¹. Tuy nhiên, những phán quyết trọng tài giải quyết tranh chấp về liên quan đến bất động sản thường ít được công nhận và cho thi hành,

bởi bất động sản được xem là gắn với chủ quyền quốc gia⁴².

Thứ hai, tranh chấp về ly hôn. Nhìn chung, thẩm quyền của Trọng tài đối với các quan hệ về hôn nhân gia đình thường được các quốc gia hạn chế, đặc biệt là đối với ly hôn⁴³. Do đó, theo quan điểm của tác giả, việc trọng tài nước ngoài giải quyết vụ việc ly hôn thuộc thẩm quyền riêng biệt của Việt Nam là hiếm khi xảy ra.

Thứ ba, tranh chấp mà các bên đã thỏa thuận lựa chọn Tòa án Việt Nam để giải quyết. Để xảy ra tình huống này, các bên phải vừa có thỏa thuận Trọng tài (và đã được Trọng tài giải quyết) vừa có thỏa thuận chọn Tòa án Việt Nam. Trên thực tế, tình huống lựa chọn cả Trọng tài và Tòa án là hoàn toàn có thể xảy ra⁴⁴. Để giải quyết vấn đề này, pháp luật của các quốc gia thường sẽ ưu tiên thẩm quyền cho Trọng tài, bao gồm các nước theo hệ thống thông luật như Anh, Hoa Kỳ⁴⁵ hay các quốc gia dân luật như Đức⁴⁶. Pháp luật Việt Nam, về cơ bản cũng có quan điểm tương tự⁴⁷.

³⁷ Gary Born, *International Arbitration: Law and Practice (Third Edition)*, Kluwer Law International, 2021, paras 97, p. 9 chapter 3.

³⁸ Giuditta Cordero-Moss, *International Commercial Arbitration - Different Forms and their Features*, Cambridge University Press, 2013, p. 307, 351-352.

³⁹ Rab, Ajar, *Redressal mechanism under the real estate (regulation and development) act 2016: ouster of the arbitration tribunal*, NUJS Law Review, 10(1) 2017, pp. 1-18.

⁴⁰ David K. Taylor; Jeffrey N. Brown, *Arbitration and Other Forms of ADR in Real Estate Deals: The Process, Drafting Considerations, and Making ADR Provisions Work*, Probate and Property 28, no. 2, March/April 2014, pp. 57-63.

⁴¹ Điều 236 Luật Đất đai năm 2024.

⁴² Dr Zheng Sophia Tang, *Jurisdiction and Arbitration Agreements in International Commercial Law*, Routledge Publisher, 2014, p. 58, 102.

⁴³ Như tại Đức, Pháp, Hà Lan, Thụy Sĩ... Xem thêm Reinmar Wolff, *New York Convention Article-by-Article Commentary - Second Edition*, Bloomsbury Publishing, 2019, p. 409.

⁴⁴ Ví dụ như vụ *Melford Capital Partners (Holdings) LLP and others v Digby [2021] EWHC 872 (Ch)*, xem thêm Chirag Karia KC, *When arbitration and exclusive jurisdiction clauses conflict: which wins?*, 05/5/2021, <https://www.quadrantchambers.com/news/when-arbitration-and-exclusive-jurisdiction-clauses-conflict-which-wins-chirag-karia-qc>, truy cập ngày 15/7/2024.

⁴⁵ Garnett, Richard, *Coexisting and Conflicting Jurisdiction and Arbitration Clauses*, Journal of Private International Law, vol. 9, no. 3, 2013, pp. 363-365.

⁴⁶ K.H. Böckstiegel, S. Kröll and P. Nacimientto, *Germany as a Place for International and Domestic*

Bên cạnh đó, dựa vào Công ước Hague về thỏa thuận lựa chọn Tòa án 2005, một số ý kiến cho rằng cần ưu tiên thỏa thuận chọn Tòa án. Tuy nhiên, quan điểm chủ yếu vẫn là Tòa án sẽ từ chối thẩm quyền và thỏa thuận chọn Trọng tài sẽ được ưu tiên⁴⁸. Tác giả ủng hộ quan điểm ưu tiên cho thỏa thuận Trọng tài, bởi phạm vi điều chỉnh của Công ước Hague không bao gồm các vấn đề về Trọng tài⁴⁹. Hơn nữa, thẩm quyền riêng biệt của Tòa án trong trường hợp này cũng dựa trên sự lựa chọn của các bên, tức mức độ gắn bó cũng tương tự như Trọng tài mà thôi. Do đó, để phát triển hoạt động trọng tài thì việc ưu tiên thẩm quyền cho Trọng tài là điều hợp lý. Từ đó, nếu phán quyết trọng tài nước ngoài giải quyết một vụ việc thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam với lý do các bên có thỏa thuận lựa chọn Tòa án Việt Nam thì theo quan điểm của tác giả, chúng ta nên cho phép công nhận và cho thi hành.

5. Một số kiến nghị cho Việt Nam

Qua kết quả nghiên cứu, tác giả có một số đề xuất cho Việt Nam trong việc hoàn thiện các quy định về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài như sau:

Arbitrations - General Overview, Transnational Dispute Management (TDM), Vol. 6, issue 1, March 2009, p. 49; Decision of the German Federal Supreme Court (Germany: BGH, SchiedsVZ 2007, 273).

⁴⁷ Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP Hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại.

⁴⁸ Ronald A. Brand, Paul Herrup, *The 2005 Hague Convention on Choice of Court Agreements Commentary and Documents*, Cambridge University Press, 2009, p. 42.

⁴⁹ Article 2.4 Convention on Choice of Court Agreements 2005.

Thứ nhất, cần thay đổi thuật ngữ “phán quyết của trọng tài nước ngoài” thành “phán quyết trọng tài nước ngoài” để phù hợp với Công ước. Đồng thời, dựa trên Công ước cũng như pháp luật các quốc gia, việc xác định phán quyết trọng tài nước ngoài nên được xác định dựa vào nơi tuyên phán quyết thay vì quốc tịch của trọng tài.

Thứ hai, cần giải thích rõ thủ tục công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài nói riêng, thủ tục công nhận và cho thi hành nói chung có phải là một thủ tục độc lập với thủ tục giải quyết việc dân sự hay không. Điều này là cần thiết để xác định quyền của Tòa án trong việc tự động áp dụng thời hiệu, thời hạn đối với thủ tục này. Cùng với đó, thời điểm bắt đầu tính thời hạn yêu cầu công nhận và cho thi hành nên được tính từ thời điểm người được thi hành, người có quyền liên quan có quyền nộp đơn yêu cầu thay vì từ thời điểm phán quyết trọng tài có hiệu lực.

Thứ ba, cần hướng dẫn chi tiết về khả năng công nhận và cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài giải quyết tranh chấp thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam. Cụ thể, đối với các tranh chấp về quyền liên quan đến bất động sản, có thể giải thích theo hướng ảnh hưởng đến trật tự công cộng theo Điều 5.2.b Công ước và điểm b khoản 2 Điều 459 BLTTDS 2015 để không công nhận. Đối với tranh chấp về ly hôn có thể giải thích theo hướng không thuộc các tranh chấp được giải quyết theo thể thức trọng tài theo Điều 5.2.a Công ước và điểm a khoản 2 Điều 459 BLTTDS 2015 để không công nhận. Riêng đối với tranh chấp mà các bên đã thỏa thuận chọn Tòa án Việt Nam, quan điểm của tác giả là chúng ta vẫn nên xem xét công nhận và cho thi hành.